

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, gồm:

- Thủ tục hành chính thay thế: 02;
- Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 04.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung thủ tục hành chính đã được công bố tại STT 1 và STT 12 điểm A mục 1 và STT 3 điểm A mục 2 Phần I, STT 1 điểm C phần I ban hành kèm theo Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; STT 11 điểm B, STT 70 điểm C mục 2 Phần I danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-TCHQ ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính.

Tổng cục Hải quan thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; TCHQ (8 b).

[Handwritten signature]

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số **1722/QĐ-BTC** ngày **10** tháng **8** năm 2023
của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Hải quan						
1	1.007808	Thủ tục kiểm tra và xác định trước xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Xác định trước xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023	Hải quan	Tổng cục Hải quan
B. Thủ tục hành chính cấp Chi cục Hải quan						
1	1.009058	Thủ tục trừ lùi chứng nhận xuất xứ hàng hoá nhập khẩu	Trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá	Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023	Hải quan	Chi cục Hải quan

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Chi cục Hải quan					
1	1.008669	Thủ tục kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hoá xuất khẩu	Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023	Hải quan	Chi cục Hải quan
2	1.007889	Thủ tục kiểm tra và xác định xuất xứ hàng hoá nhập khẩu	Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023	Hải quan	Chi cục Hải quan
3	1.007886	Thủ tục nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô đã qua sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định	Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính	Hải quan	Chi cục Hải quan

		<p> cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam</p>			
4	1.007828	<p> Thủ tục kê khai, nộp thuế xe ô tô, xe mô tô khi chuyển nhượng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép hồi hương</p>	<p> Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính</p>	Hải quan	Chi cục Hải quan

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Xác định trước xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan hải quan xác định trước xuất xứ đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và gửi hồ sơ đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa đến Tổng cục Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa đáp ứng hoặc bị lỗi, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy đến Tổng cục Hải quan.

Bước 2: Người hải quan thực hiện

- Người khai hải quan thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi nào liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước xuất xứ trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.

- Cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ đề nghị xác định trước để ban hành Thông báo xác định trước xuất xứ.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

+ Điện tử

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần: 04 chứng từ

1) Đơn đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023;

2) Bảng kê khai chi phí sản xuất theo mẫu tại Phụ lục II và Bảng khai báo xuất xứ của nhà sản xuất/nhà cung cấp nguyên liệu trong nước theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư trong trường hợp nguyên liệu, vật tư đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác: 01 bản chụp;

3) Quy trình sản xuất hoặc Giấy chứng nhận phân tích thành phần (nếu có): 01 bản chụp;

4) Catalogue hoặc hình ảnh hàng hóa: 01 bản chụp

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ Người khai hải quan:

++ Người khai hải quan thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi nào liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước xuất xứ trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.

++ Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước xuất xứ, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu Tổng cục Hải quan xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với hàng hóa thông thường) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ), kể từ ngày nhận được yêu cầu của người khai hải quan, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời kết quả cho người khai hải quan. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo kết quả xác định trước.

+ Cơ quan hải quan:

++ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Tổng cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước xuất xứ gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;

++ Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước xuất xứ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước xuất xứ được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai hải quan

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Hải quan

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hàng hóa xuất khẩu được thực hiện thủ tục hải quan, thông quan theo quy định.

- Phí, lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: quy định tại Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người khai hải quan có trách nhiệm gửi các chứng từ này đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải

quan chưa đáp ứng, người khai hải quan nộp 01 bản chính hồ sơ đề nghị đến Tổng cục Hải quan.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Điều 28 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.
- + Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016;
- + Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017;
- + Điều 24 và Điều a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018;
- + Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ.
- + Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023.

2. Trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá

- Trình tự thực hiện:

* Trường hợp khai báo thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

Bước 1: Người khai hải quan đề nghị trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, nộp 01 bản chụp C/O thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp người khai hải quan nộp bản giấy CTCNXX, Chi cục Hải quan nơi đăng ký cập nhật thông tin CTCNXX vào Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan để theo dõi, trừ lùi.

Bước 2: Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai cập nhật thông tin C/O vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc tra cứu thông tin C/O gắn trên Hệ thống để theo dõi, trừ lùi số lượng, trọng lượng trên C/O tương ứng với từng lần xuất khẩu, nhập khẩu.

Bước 3: Công chức hải quan tra cứu nội dung Phiếu theo dõi trừ lùi trên hệ thống, cập nhật số lượng trừ lùi vào Phiếu theo dõi trừ lùi tương ứng với số lượng hàng hóa được nhập khẩu vào nội địa;

Bước 4: Khi người khai hải quan nhập khẩu hết số lượng hàng hóa trên C/O, Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan tổng hợp lượng hàng hóa đã nhập khẩu, xác nhận đã nhập khẩu hết lượng hàng của C/O trên Phiếu theo dõi trừ lùi trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

* Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa đáp ứng theo dõi trừ lùi C/O:

Bước 1: Đề nghị trừ lùi tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập khẩu.

Bước 2: Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan lập 02 Phiếu theo dõi trừ lùi theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số

33/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính, gửi 01 bản cho người khai hải quan để xuất trình cho Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu cho từng lần nhập khẩu và lưu 01 bản để theo dõi, tiến hành thanh khoản khi người khai hải quan nhập khẩu hết số lượng hàng hóa trên Phiếu theo dõi trừ lùi.

Bước 3: Công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu nội dung Phiếu theo dõi, trừ lùi với C/O và tiến hành trừ lùi hàng hóa trên bản gốc Phiếu theo dõi, trừ lùi do người khai hải quan xuất trình, ký xác nhận số lượng hàng hóa nhập khẩu từng lần trên Phiếu theo dõi trừ lùi và lưu bản sao Phiếu theo dõi trừ lùi đã thực hiện trừ lùi có xác nhận của Chi cục Hải quan làm thủ tục nhập khẩu và bản chụp C/O trong hồ sơ hải quan.

Bước 4: Khi nhập khẩu hết số lượng hàng hóa trên Phiếu theo dõi trừ lùi, người khai hải quan nộp bản gốc Phiếu theo dõi trừ lùi cho Chi cục Hải quan làm thủ tục cho lần nhập khẩu cuối cùng của lô hàng để xác nhận đã nhập khẩu hết lượng hàng.

Bước 5. Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục cho lần nhập khẩu cuối cùng của lô hàng có trách nhiệm gửi Phiếu theo dõi trừ lùi cho Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan.

Bước 6: Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan kiểm tra, đối chiếu với bản lưu Phiếu theo dõi trừ lùi, xác nhận tổng số lượng hàng hóa đã nhập khẩu trên C/O và trên 02 bản gốc Phiếu theo dõi trừ lùi và lưu hồ sơ hải quan theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

- + Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính, hoặc;
- + Thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Số lượng hồ sơ: không có

* Thành phần hồ sơ: không có

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai hải quan

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Lô hàng được trừ lùi C/O cho từng lần nhập khẩu.

- Phí, lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Một lô hàng đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để nhập khẩu vào nội địa nhiều lần.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Điều 27 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.
 - + Điều 5 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016;
 - + Điều 32, Điều 35 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017;
 - + Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018;
 - + Điều 22 Thông tư số 33/2023/TT-BTC.

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT
KHẨU, NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

A. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ:

1. Tên:	
2. Địa chỉ:	
3. Điện thoại:	4. Fax:
5. Mã số thuế:	
6. E-mail:	

B. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

1. Tên:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Website:
5. E-mail:

C. Cơ sở sản xuất, gia công, lắp ráp:

1. Tên:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Website:
5. E-mail:

D. Hàng hóa đề nghị xác định trước xuất xứ:

1. Mô tả hàng hóa:	
2. Mã số HS:	3. Trị giá FOB:

4. Hành trình dự định của lô hàng từ nước sản xuất, nước xuất khẩu đến Việt Nam (cảng nước SX → cảng nước XK → cảng nước trung gian → Việt Nam); đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam thì ngược lại
5. Hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm, tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu? <p style="text-align: right;">Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>
6. Hàng hóa đã được xác định trước xuất xứ đăng trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan? <p style="text-align: right;">Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

E. Tài liệu kèm theo:

1. Bản kê các nguyên vật liệu dùng để sản xuất ra hàng hóa gồm các thông tin như (tên hàng, mã số H.S, xuất xứ, giá CIF).			
2. Bản mô tả sơ lược quy trình sản xuất ra hàng hóa.			
3. Catalogue	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	4. Hình ảnh
			Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
5. Giấy chứng nhận phân tích thành phần	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	
....			

Trường hợp 1: Đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu chưa được xác định trước xuất xứ

...(tên Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ) cam kết hàng hóa nêu tại mục D là hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, chưa được xác định trước xuất xứ trước thời điểm nộp Đơn và hàng hóa không nằm trong danh mục cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Trường hợp 2: Đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có thông tin giống hệt các thông tin của hàng hóa đã được xác định trước xuất xứ

...(tên Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ) cam kết hàng hóa nêu tại mục D là hàng hóa có thông tin giống hệt các thông tin của hàng hóa đã được áp dụng Thông báo số.....ngày.....về xác định trước xuất xứ của Tổng cục Hải quan.

... (tên Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ) chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung Đơn và các chứng từ kèm theo./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ NGƯỜI XUẤT KHẨU	
Tên:	
Mã số thuế:	
Địa chỉ:	
HÀNG HOÁ ĐÁP ỨNG QUY TẮC XUẤT XỨ FTA/GSP...	
TIÊU CHÍ XUẤT XỨ	
<input type="checkbox"/> Xuất xứ thuần túy (WO)	
<input type="checkbox"/> Sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu có xuất xứ (PE)	
<input type="checkbox"/> Đáp ứng/Giá trị hàm lượng gia tăng (RVC/LVC..., ghi cụ thể giá trị đạt được (%))	
<input type="checkbox"/> Chuyển đổi mã số hàng hoá (CTC – ghi cụ thể cấp độ chuyển đổi mã số HS)	
<input type="checkbox"/> Quy trình sản xuất (Specific process)	
<input type="checkbox"/> Tỷ lệ “de-minimis” (ghi rõ tỷ lệ...%)	
CHI TIẾT VỀ HÀNG HOÁ	
Mô tả hàng hoá:	
Nước nhập khẩu hàng hoá:	
Kiểu dáng (Model if any):	

Mã số hàng hóa cấp độ 6 số:						
Trị giá:						
TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HOÁ VÀ THOẢ MÃN TIÊU CHUẨN/GIÁ TRỊ HÀM LƯỢNG GIA TĂNG						
STT	Mô tả toàn bộ nguyên liệu, bộ phận	Mã số hàng hóa (áp dụng đối với tiêu chí xuất xứ CTC)	Xuất xứ	Tên nhà sản xuất (chỉ khai khi nguyên liệu có xuất xứ và nước xuất xứ là Việt Nam)	Trị giá nguyên liệu	
					- Giá CIF tại thời điểm nhập khẩu	- Giá mua trong nước (theo hóa đơn)
					Có xuất xứ	Không có xuất xứ
				Tổng số		
Chi phí nhân công trực tiếp:						
Chi phí phân bổ trực tiếp:						
Lợi nhuận:						
Chi phí khác:						
TÍNH GIÁ TRỊ HÀM LƯỢNG GIA TĂNG						
Quy định tại Thông tư quy định xuất xứ hàng hoá của Bộ Công Thương và các Thông tư quy định quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.						
CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN CUNG CẤP TÀI LIỆU NÀY						

Tôi khẳng định quá trình sản xuất cuối cùng tạo ra hàng hoá được thực hiện tại Việt Nam và xác nhận thông tin cung cấp trong tài liệu này là đúng và chính xác. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin. Tôi sẽ phối hợp, theo quy định, với cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra cơ sở sản xuất và hồ sơ chứng từ lưu giữ.

Tên:	Chức vụ:	Ngày:
Số điện thoại:		Thư điện tử:

Ghi chú:

- Đối với nguyên trong nước có xuất xứ, cung cấp giấy xác nhận hoặc hoá đơn mua bán từ nhà cung cấp nội địa.
- Trường hợp cộng gộp nguyên liệu từ Nước thành viên của Hiệp định, cung cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hoặc hoá đơn mua hàng, tài liệu chứng minh.
- Tỷ lệ "de - minimis" tính theo công thức quy định tại Thông tư quy định xuất xứ hàng hoá của Bộ Công Thương và các Thông tư quy định quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

Phụ lục III

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BẢNG KHAI BÁO XUẤT XỨ CỦA NHÀ SẢN XUẤT/NHÀ CUNG CẤP
NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC**

Tên nhà sản xuất: Công ty....

Mã số Doanh nghiệp:

Số lượng:

Trị giá (FOB):USD

Hoá đơn giá trị gia tăng:

(Tên nhà sản xuất/nhà cung cấp nguyên liệu trong nước) xác nhận rằng nguyên liệu/hàng hoá (1)..... (Mô tả hàng hoá, mã số hàng hóa 6 số) khai tại văn bản này được sản xuất tại nhà máy của Công ty chúng tôi tại (2).....Việt Nam có xuất xứ Việt Nam và đáp ứng tiêu chí xuất xứ (3).....theo quy định tại Chương Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong (4).....

Công ty cam kết thông tin khai báo trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã khai.

..., ngày...tháng...năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2023
của Bộ Tài chính)

CỤC HẢI QUAN
CHI CỤC HẢI QUAN

Số phiếu:
Ngày....tháng....năm.....

**PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÙI GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ
HÀNG HÓA**

1. C/O mẫu; số tham chiếu:; ngày cấp:/...../.....; cơ
quan cấp:

2. Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu:; Mã số thuế:
.....
.....

STT	Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan nhập khẩu	Tên hàng	Mã số HS	ĐVT	Số lượng trên C/O	Số lượng đã nhập khẩu	Số lượng hàng hóa còn lại	Công chức HQ theo dõi trừ lùi xác nhận (ký, đóng dấu công chức)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)

LÃNH ĐẠO CHI CỤC HẢI QUAN
(Ký tên; đóng dấu)